Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 27.11.2026 16:28:46 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2317/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm các sông Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy, Ngũ Huyện Khê

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XV về hoạt động chất vấn tại phiên họp thứ 9;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi

trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp cấp bách tăng cường công tác kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước một số lưu vực sông;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm các sông Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy, Ngũ Huyện Khê (sau đây gọi là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Tiếp cận tổng hợp, liên ngành, đa mục tiêu, lấy quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông làm kim chỉ nam. Kế thừa, phát huy tối đa hiệu quả cơ sở hạ tầng tài nguyên nước, thủy lợi hiện có và mạng lưới sông suối tự nhiên. Định hướng các giải pháp kỹ thuật phải tuân thủ nguyên tắc thuận theo tự nhiên, từng bước thiết lập cơ chế tự chảy thường xuyên, liên tục. Mọi vấn đề liên quan đến tài nguyên nước, môi trường, thủy lợi, phát triển đô thị và nông thôn trên lưu vực các sông Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy và Ngũ Huyện Khê phải được đặt trong một thể thống nhất, xem xét một cách toàn diện để giải quyết đồng bộ, hài hòa các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và biến đổi khí hậu, đảm bảo lợi ích chung của toàn vùng và cho các thế hệ tương lai.

2. Phục hồi các dòng sông kết hợp tiêu thoát nước, giảm ngập úng là động lực tái cấu trúc không gian phát triển, tạo trục cảnh quan đô thị, hành lang xanh, không gian công cộng, phát triển kinh tế ven sông, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

3. Giải quyết tận gốc vấn đề ô nhiễm nguồn nước, biến các khu vực vốn bị ô nhiễm thành những khu vực đáng sống, có giá trị cao về kinh tế, văn hóa và cảnh quan.

4. Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và cộng đồng. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, dẫn dắt thông qua việc hoàn thiện thể chế, chính sách và đầu tư các công trình hạ tầng khung, thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn để thực hiện Đề án, nhất là các nguồn vốn xã hội hóa, có sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong bảo vệ và phục hồi các dòng sông góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế "2 con số".

5. Hành động quyết liệt, khẩn trương với các giải pháp đột phá, có trọng tâm, trọng điểm, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực then chốt, ưu tiên ứng dụng, làm chủ và chuyển giao các công nghệ mới, công nghệ cao, giải pháp thông minh trong cải tạo, phục hồi nguồn nước. Nhận diện đúng các vấn đề cấp bách nhất để ưu tiên tập trung giải quyết dứt điểm bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật; hiệu quả, tiết kiệm, đặc biệt là tiết kiệm năng lượng, chi phí vận hành thông qua các giải pháp thuận theo tự nhiên, chống thất thoát, lãng phí.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phục hồi toàn diện, bền vững nguồn nước mặt các sông Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy, Ngũ Huyện Khê trên cơ sở nguyên tắc thuận theo tự nhiên, phát huy tối đa hiệu quả cơ sở hạ tầng tài nguyên nước, thủy lợi hiện có và mạng lưới sông suối tự nhiên; từng bước khôi phục, tạo dòng chảy thường xuyên

hướng tới thiết lập cơ chế tự chảy thường xuyên, liên tục và xử lý dứt điểm ô nhiễm nguồn nước; đảm bảo an ninh nguồn nước, đưa các dòng sông trở thành các trục không gian xanh, sạch, đẹp, văn minh, hiện đại, hướng tới khai thác đa mục tiêu và đem lại giá trị gia tăng về kinh tế, sinh thái, văn hoá, lịch sử gắn liền với nguồn nước nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế "2 con số".

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phấn đấu đến năm 2035, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển nguồn nước mặt bằng các giải pháp ưu tiên tự chảy từ sông Hồng vào Bắc Hưng Hải với lưu lượng đến 120 m^3/s, từ sông Đuống vào Ngũ Huyện Khê với lưu lượng đến 28 m^3/s, từ sông Đà vào Nhuệ - Đáy với lưu lượng đến 200 m^3/s nhằm duy trì dòng chảy thường xuyên, liên tục cho các sông, nâng cao năng lực lấy nước, tiêu úng giảm thiểu ngập lụt, tiết kiệm tối đa năng lượng và chi phí vận hành, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh năng lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế "2 con số";

b) Quản lý, kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm nước mặt trên các sông Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy, Ngũ Huyện Khê; triển khai đồng bộ các giải pháp thu gom, xử lý nước thải theo quy định trước khi xả thải vào nguồn nước nhằm cải thiện chất lượng nước mặt, phục hồi các hệ sinh thái, phát triển cảnh quan ven sông. Phấn đấu đến năm 2035, 100% các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn có hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; 70% nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý; trên 45% nước thải sinh hoạt nông thôn được xử lý bằng các biện pháp tập trung hoặc phân tán phù hợp;

c) Áp dụng các cơ chế, chính sách để huy động tối đa nguồn lực xã hội, đặc biệt là sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong việc triển khai các giải pháp cải tạo, phục hồi nguồn nước bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và bền vững, phấn đấu huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tối thiểu 70% tổng kinh phí của Đề án; làm cơ sở sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, các thể chế, chính sách liên quan đến cải tạo, phục hồi nguồn nước.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thu gom, xử lý các nguồn thải gây ô nhiễm nước mặt nhằm từng bước giảm thiểu tải lượng các chất ô nhiễm đổ vào hệ thống sông, cải thiện chất lượng nguồn nước, phục hồi và duy trì hệ sinh thái thủy sinh

a) Đối với lưu vực sông Bắc Hưng Hải: đẩy nhanh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp quản lý, thu gom, xử lý nước thải mà Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trên lưu vực sông đang triển khai thực hiện theo Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 02/CT-TTg) được chi tiết tại Quyết định số 4160/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông

nghiệp và Môi trường phê duyệt Đề án Phát triển tổng thể hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ đa mục tiêu và bảo vệ môi trường bền vững (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4160/QĐ-BNNMT).

b) Đối với lưu vực sông Nhuệ - Đáy

- Đối với nước thải đô thị, khu dân cư tập trung: nâng cấp, cải tạo, hoàn thiện 13 hệ thống thu gom, xử lý hiện có và đầu tư xây mới 47 hệ thống thu gom, xử lý nước thải với tổng công suất xử lý khoảng 2 triệu m^3/ngày đêm để đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải đô thị, khu dân cư tập trung phát sinh trên lưu vực đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành trước khi xả thải vào nguồn nước.

- Đối với nước thải cụm công nghiệp: đầu tư, xây mới, nâng cấp, cải tạo các hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh của 119 cụm công nghiệp hiện có trên lưu vực đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành trước khi xả thải vào nguồn nước hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng, không làm phát sinh nước thải.

- Đối với nước thải khu công nghiệp tập trung: nâng cấp, cải tạo 24 hệ thống thu gom, xử lý hiện có đảm bảo đạt công suất xử lý khoảng 217 nghìn m^3/ngày đêm và đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung cho các khu công nghiệp mới đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải khu công nghiệp tập trung trên lưu vực đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành trước khi xả thải vào nguồn nước hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng, không làm phát sinh nước thải.

c) Đối với lưu vực sông Ngũ Huyện Khê

- Đối với nước thải đô thị, khu dân cư tập trung: nâng cấp, cải tạo 03 hệ thống thu gom, xử lý hiện có và đầu tư xây mới 08 hệ thống thu gom, xử lý nước thải với tổng công suất xử lý khoảng 425 nghìn m^3/ngày đêm để đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải đô thị, khu dân cư tập trung phát sinh trên lưu vực đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành trước khi xả thải vào nguồn nước.

- Đối với nước thải cụm công nghiệp: đầu tư, xây mới, nâng cấp, cải tạo các hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh của 13 cụm công nghiệp hiện có trên lưu vực đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành trước khi xả thải vào nguồn nước hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng, không làm phát sinh nước thải.

- Đối với nước thải khu công nghiệp tập trung: nâng cấp, cải tạo, hoàn thiện 13 hệ thống thu gom, xử lý hiện có đảm bảo đạt công suất xử lý khoảng 113 nghìn m^3/ngày đêm và đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung cho các khu công nghiệp mới đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng

nước thải khu công nghiệp tập trung trên lưu vực đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành trước khi xả thải vào nguồn nước hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng, không làm phát sinh nước thải.

d) Các địa phương căn cứ vào tình hình, nguồn lực thực tế để lựa chọn phạm vi, quy mô thu gom, xử lý nước thải và thời gian thực hiện cho phù hợp. Đồng thời, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp để kiểm soát đối với các nguồn nước thải phân tán, nước thải làng nghề nằm ngoài các khu, cụm công nghiệp được xử lý tại chỗ hoặc thu gom đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Danh mục dự kiến hệ thống thu gom, xử lý nước thải thực hiện cải tạo, nâng cấp và xây mới tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này.

2. Điều hòa, phân phối nguồn nước nhằm duy trì dòng chảy thường xuyên, liên tục cho các sông Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy, Ngũ Huyện Khê

a) Điều hòa, phân phối nguồn nước từ sông Hồng, sông Đuống vào sông Bắc Hưng Hải, Ngũ Huyện Khê, cho vùng hạ du sông Nhuệ - Đáy (hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà).

- Trước mắt, bổ sung nguồn nước, tăng cường khả năng lưu thông dòng chảy bằng giải pháp động lực, bao gồm:

+ Khẩn trương đưa vào vận hành trạm bơm dã chiến Xuân Quan bổ cập tạo nguồn cho sông Bắc Hưng Hải đạt 32 m^3/s; cải tạo, nâng cấp các tuyến sông, kênh, các công trình điều tiết và các nhiệm vụ, giải pháp khác mà Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trên lưu vực đang triển khai thực hiện theo Chỉ thị số 02/CT-TTg được chi tiết tại Quyết định số 4160/QĐ-BNNMT. Kết hợp với giải pháp tổng thể, lâu dài hình thành các trục liên thông từ sông Hồng đến sông Thái Bình (Xuân Quan - Cầu Cất, Nghi Xuyên - Cầu Xe) và từ sông Kim Sơn ra sông Luộc (Lực Điền - Triều Dương, Cống Tranh - Nam Kẻ Sặt, Bá Thủy - An Thổ).

+ Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh dẫn để đảm bảo dẫn nước, bổ sung nguồn nước cho sông Ngũ Huyện Khê từ sông Đuống qua trạm bơm Tri Phương II với lưu lượng tối đa 21,73 m^3/s; cải tạo, nâng cấp, nạo vét lòng dẫn các sông, kênh trục chính trên hệ thống đảm bảo lưu thông dòng chảy, tăng cường khả năng tiêu thoát nước, gồm sông Ngũ Huyện Khê (từ cống Long Tửu đến cống Đặng Xá) và kênh trạm bơm Tri Phương II; cải tạo cụm đầu mối Trịnh Xá, Yên Hậu, Lương Tân.

- Về giải pháp tổng thể, lâu dài để đảm bảo khả năng phục hồi dòng chảy tự nhiên bằng hình thức tự chảy một cách bền vững, đầu tư xây dựng cụm công trình phục hồi mực nước, điều tiết đa mục tiêu trên sông Hồng và sông Đuống lấy nước vào hệ thống sông Bắc Hưng Hải với lưu lượng đến 120 m^3/s, sông Ngũ Huyện Khê lưu lượng đến 28 m^3/s, tăng cường nguồn nước cho vùng hạ

du sông Nhuệ - Đáy qua cống Tắc Giang. Đồng thời, góp phần nâng cao hiệu quả Trục đại lộ cảnh quan ven sông Hồng, gia tăng lượng phù sa cho trung tâm đồng bằng sông Hồng, phát triển nông nghiệp xanh, bền vững. Cải tạo cống Long Tửu và các cống dưới đê để lấy nước và tiêu nước tự chảy cho hệ thống sông Ngũ Huyện Khê.

b) Điều hòa, phân phối nguồn nước từ sông Đà vào lưu vực sông Đáy nhằm duy trì dòng chảy thường xuyên, bảo đảm cấp nước, hỗ trợ tiêu thoát nước, phục hồi chất lượng nước, tạo cảnh quan; đặc biệt bổ sung dòng chảy "hồi sinh các dòng sông chết" cho các sông nội đô Hà Nội (Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét) và phát huy hiệu quả của các dự án "Tiếp nước, cải tạo, khôi phục sông Tích từ Lương Phú, xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội" và "Hợp phần cụm công trình đầu mối Hát Môn - đập Đáy, thuộc dự án Cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát lũ sông Đáy" đã được đầu tư xây dựng.

- Đầu tư xây dựng công trình tạo nguồn đa mục tiêu trên sông Đà để điều hòa dòng chảy sau thủy điện Hòa Bình, bổ sung nguồn nước cho sông Nhuệ - Đáy qua cống Thuần Mỹ với lưu lượng đến 200 m^3/s, kết hợp phát điện, giao thông, giao thông thủy và hỗ trợ đẩy mặn cho hạ lưu sông Đáy.

- Đầu tư xây dựng hệ thống dẫn, lưu thông dòng chảy các sông Đà - Tích - Đáy - Nhuệ - Tô Lịch, từ cống Thuần Mỹ đến cống Hoàng Quốc Việt, cấp nước bổ cập cho sông Tích 40 m^3/s, sông Đáy 70 m^3/s, sông Nhuệ 50 m^3/s, sông Tô Lịch và các sông nội đô (sông Lừ, Sét, Kim Ngưu) của Hà Nội khoảng 5 - 8 m^3/s và thay thế nguồn nước tưới từ các trạm bơm dọc bờ hữu sông Hồng (Trung Hà, Phù Sa, Xuân Phú, Bá Giang, Đan Hoài, Liên Mạc). Tổng chiều dài toàn tuyến là 82,7 km, trong đó, chỉ cần cải tạo mở rộng khoảng 18,4 km và đầu tư, xây dựng mới khoảng 18,8 km.

+ Thực hiện cải tạo, mở rộng nâng cao năng lực lấy nước cho các cống Thuần Mỹ, Cẩm Đình, Hiệp Thuận; đầu tư xây dựng mới cống Bến Mắm tiêu trực tiếp sông Tích ra sông Hồng, cống điều tiết Trung Hưng, nhằm điều tiết cấp nước cho sông Tích và phân vùng tiêu cho lưu vực hồ Đồng Mô, hồ Suối Hai, khu vực Sơn Tây tiêu ra sông Hồng khi mực nước sông Hồng thấp hoặc tiêu ra sông Đáy khi mực nước sông Hồng cao nhằm giảm tải cho vùng rốn lũ và ngập úng Tây Hà Nội (khu vực Chương Mỹ, Mỹ Đức) cũng như vùng hạ du sông Đáy; đầu tư xây dựng mới các công trình điều tiết, phân phối nguồn nước trên hệ thống dẫn, lưu thông dòng chảy.

- Cải tạo khôi phục sông Tích từ cống Trung Hưng đến Ba Thá; khẩn trương hoàn thiện dự án đầu tư "Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội".

- Nạo vét, cải tạo kênh Ngọc Tảo từ Triều Xuyên đến cống Cẩm Đình; nạo vét, phục hồi lòng dẫn, chỉnh trang bờ bãi sông tạo hành lang thoát lũ cho sông Đáy từ đập Đáy đến hết phạm vi xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình.

- Nạo vét, mở rộng lòng dẫn với độ sâu đáy phù hợp với cao độ đáy của các trạm bơm đã xây dựng để phục hồi không gian chứa nước, tăng khả năng dẫn nước, chỉnh trang toàn bộ tuyến sông Nhuệ từ cống Liên Mạc đến cống Lương Cổ.

Đầu tư xây dựng cống Nhật Tựu, trạm bơm Lương Cổ và cải tạo, nâng cấp cống Lương Cổ, cống Điệp Sơn để chủ động tiêu nước hạ thấp mực nước sông Nhuệ. Cải tạo lòng dẫn tuyến sông Duy Tiên đến cống Tắc Giang; xây dựng mới cống điều tiết trên sông Duy Tiên tại vị trí trước ngã ba Tắc Giang để tăng cường khả năng trữ nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp của Hệ thống thuỷ lợi sông Nhuệ.

Dự kiến quy mô và thông số hạng mục chính của công trình phục hồi, điều tiết trên sông Đà, sông Hồng và sông Đuống tại Phụ lục I; danh mục các tuyến sông, kênh thực hiện cải tạo, nạo vét tại Phụ lục II; danh mục các công trình điều tiết thực hiện nâng cấp, cải tạo và xây mới tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này. Quy mô, thông số, giải pháp công trình, công trình cụ thể được xác định trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

3. Đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa hướng tới quan trắc tự động, liên tục bảo đảm tính kết nối đồng bộ vào Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia để kiểm soát nguồn nước trên hệ thống sông Bắc Hưng Hải, Ngũ Huyện Khê và Nhuệ - Đáy, kịp thời phát hiện các nguy cơ ô nhiễm và cung cấp, chia sẻ thông tin phục vụ vận hành các hệ thống công trình điều hòa, phân phối nguồn nước, công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn

a) Đối với lưu vực sông Bắc Hưng Hải: đẩy nhanh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa các vị trí quan trắc, giám sát nguồn nước mà Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trên lưu vực sông đang triển khai thực hiện theo Chỉ thị số 02/CT-TTg chi tiết tại Quyết định số 4160/QĐ-BNNMT. Đồng thời, rà soát nâng cấp, hiện đại hóa và tiếp tục thực hiện quan trắc chất lượng nước tại các vị trí trong mạng lưới quan trắc môi trường nước quốc gia của hệ thống sông Bắc Hưng Hải.

b) Đối với lưu vực sông Nhuệ - Đáy

- Rà soát nâng cấp, hiện đại hóa và tiếp tục thực hiện quan trắc chất lượng nước tại các vị trí trong mạng lưới quan trắc môi trường nước quốc gia của hệ thống sông Nhuệ - Đáy.

- Bổ sung quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước tại ranh giới hành chính cấp tỉnh: trên sông Đáy tại Tân Lang, phường Nguyễn Úy, tỉnh Ninh Bình; trên sông Duy Tiên tại xã Chuyên Mỹ (Cầu Giẽ quốc lộ 1A), thành phố Hà Nội.

- Bổ sung quan trắc nguồn nước tại các vị trí điều tiết, phân phối nguồn nước trên hệ thống dẫn, lưu thông dòng chảy Đà - Tích - Nhuệ - Đáy - Tô Lịch. Lắp đặt trạm quan trắc mực nước tại vị trí sau trạm bơm Thụy Phương, đập Cầu Quang trên sông Tô Lịch.

c) Đối với lưu vực sông Ngũ Huyện Khê

- Rà soát nâng cấp, hiện đại hóa và tiếp tục thực hiện quan trắc nguồn nước tại các vị trí hiện đang quan trắc mực nước, chất lượng nước của hệ thống quan trắc môi trường, hệ thống thủy lợi Bắc Đuống.

- Bổ sung quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước tại ranh giới hành chính cấp tỉnh trên sông Ngũ Huyện Khê tại cầu Đình Tràng, xã Đông Anh thành phố Hà Nội.

Danh mục các trạm quan trắc, giám sát nguồn nước trên các lưu vực sông Nhuệ - Đáy, Ngũ Huyện Khê tại Phụ lục V kèm theo Quyết định này. Trong quá trình triển khai thực hiện các bộ, địa phương căn cứ vào tình hình thực tiễn nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung các vị trí, thông số, tần suất quan trắc nguồn nước cho phù hợp với mục đích kiểm soát chất lượng nguồn nước.

4. Tái cấu trúc không gian phát triển, tạo cảnh quan đô thị, hành lang xanh, không gian công cộng, phát triển kinh tế ven sông, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân

a) Thực hiện đồng bộ các biện pháp công trình nhằm bảo vệ nguồn sinh thủy, cải tạo cảnh quan ven sông, từng bước biến các dòng sông thành các "trục không gian xanh", "tuyến giao thông thủy". Ưu tiên áp dụng các giải pháp kè sinh thái, kè mềm tại các khu vực phù hợp nhằm bảo vệ bờ, chống sạt lở, chống tái lấn chiếm và bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái thủy sinh, đặc biệt đối với các đoạn sông chảy qua khu đô thị. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nghiên cứu xây dựng quy hoạch các công viên, khu đô thị xanh dọc các trục dòng chảy các sông: Hồng, Đuống, Bắc Hưng Hải, Cửu An, Ngũ Huyện Khê và hệ thống dẫn, lưu thông dòng chảy Đà - Tích - Nhuệ - Đáy, Nhuệ, Đáy;

b) Cải tạo bờ sông, bãi sông, tạo hành lang thoát lũ, tạo điều kiện khai thác sử dụng đất bãi sông, ven sông Hồng, Đuống, Đáy, Nhuệ, Tích, Ngũ Huyện Khê, Bắc Hưng Hải để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao giá trị sử dụng đất cho các đô thị ven sông, phát triển du lịch trên sông, đặc biệt là góp phần nâng cao giá trị cho đô thị trục đại lộ cảnh quan ven sông Hồng.

c) Khẩn trương lập, cắm mốc giới và quản lý chặt chẽ hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định. Nghiên cứu lập hành lang thoát lũ trên các trục tiêu, thoát lũ. Ưu tiên đối thực hiện với các sông, kênh trục chính.

5. Huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế, trong đó Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, dẫn dắt và đầu tư các công trình hạ tầng khung nhằm thúc đẩy thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn xã hội hóa và khu vực kinh tế tư nhân

a) Thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp để triển khai thực hiện Đề án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Đối với các công trình phục hồi, điều tiết đa mục tiêu trên dòng chính sông Hồng, sông Đuống, sông Đà theo hình thức hợp đồng phù hợp với từng dự án đảm bảo hài hòa lợi ích các bên liên quan.

- Đối với dự án thuộc nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa các công trình điều tiết, trạm bơm, cải tạo, nạo vét sông, kênh trục, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, áp dụng hình thức hợp đồng BT.

b) Chính sách áp dụng đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (hình thức hợp đồng BT) thuộc Đề án.

- Các dự án thuộc Đề án áp dụng hình thức hợp đồng BT (theo quy định của pháp luật về đầu tư đối tác công tư) được áp dụng, hưởng chính sách cao nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Trường hợp sử dụng quỹ đất để thanh toán cho nhà đầu tư, dự án được xem xét, áp dụng các chính sách: Ưu tiên quỹ đất hai bên dọc theo các tuyến kênh, sông thực hiện cải tạo, chỉnh trang để đối ứng, gắn với trách nhiệm nhà đầu tư, giá trị, lợi ích mang lại sau khi cải tạo, chỉnh trang cảnh quan; áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (trường hợp đáp ứng các điều kiện theo quy định).

- Các doanh nghiệp tham gia dự án thuộc Đề án được hưởng ưu đãi theo pháp luật về thuế, các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật hiện hành; được miễn tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (nếu có).

- Các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân tham gia thực hiện dự án thuộc Đề án được hỗ trợ lãi suất tối đa khi vay vốn để triển khai các dự án xanh theo theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với các dự án thuộc Đề án thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc do thành phố Hà Nội quyết định đầu tư được xem xét áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định của pháp luật hiện hành trên địa bàn Thủ đô. Đối với các dự án thuộc địa phương khác thuộc phạm vi Đề án áp dụng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

c) Sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa các trạm, điểm quan trắc nguồn nước trên các lưu vực sông thuộc Đề án. Ưu tiên huy động tối đa nguồn lực nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật thực hiện Đề án.

d) Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, ưu tiên thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp để thực hiện theo phương thức đối tác công tư cho các nhiệm vụ, dự án đảm bảo hiệu quả và lợi ích cho các bên khi tham gia thực hiện. Trường hợp khó khăn trong việc thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp,

căn cứ vào nguồn lực, các bộ, địa phương xem xét, quyết định sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện đầu tư.

Các địa phương được sử dụng toàn bộ kinh phí giữ lại theo quy định của pháp luật từ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Đề án thuộc địa bàn.

6. Nhiệm vụ, giải pháp phi công trình

a) Điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển nguồn nước

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông Hồng - Thái Bình và các quy hoạch khác có liên quan nếu cần thiết.

- Thực hiện theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng đã được Thủ tường Chính phủ ban hành, rà soát, điều chỉnh quy trình khi cần thiết; rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành các hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy, Bắc Đuống, Bắc Nam Hà và các hệ thống khác có liên quan.

- Thực hiện điều tiết vận hành các hồ chứa, công trình khai thác nước và điều phối hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình; kiểm soát chặt chẽ việc bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông.

- Hằng năm, xây dựng và công bố kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình để làm cơ sở cho các bộ, ngành, địa phương lập kế hoạch khai thác, sử dụng nước, chủ động ứng phó với các thiên tai liên quan đến nước.

- Định kỳ tổ chức đo đạc, điều tra, đánh giá, theo dõi sự biến đổi lòng dẫn hệ thống sông Hồng, sông Đuống, nghiên cứu đánh giá tỷ lệ phân lưu từ sông Hồng sang các sông Đuống, Luộc, Đào để ứng phó với tình trạng hạ thấp lòng dẫn; tăng cường công tác quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, hành lang bảo vệ đê điều và hành lang thoát lũ, kiểm soát lòng, bờ, bãi sông, các hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước.

b) Về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ chức năng nguồn nước, đặc biệt các nguồn nước có chức năng cấp nước sinh hoạt, bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học và phát triển du lịch; quản lý, giám sát chặt chẽ các cơ sở sản xuất có hoạt động xả nước thải và hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị xả vào nguồn nước để bảo đảm chức năng nguồn nước.

- Kiểm soát, xử lý nước thải từ các nguồn thải phân tán, khó kiểm soát tại các khu dân cư tập trung ở các vùng nông thôn; ứng dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung phù hợp cho cụm dân cư, trường học, chợ, trạm y tế, trang trại và làng nghề nhỏ; xây dựng, cải tạo mạng lưới thu gom và bể tự hoại hộ gia đình đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

- Phát triển các dự án thuộc Đề án theo hướng thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số; nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường.

- Không cho phép xây dựng mới hoặc mở rộng quy mô bệnh viện, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh truyền nhiễm, nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải, cơ sở sản xuất hóa chất nguy hiểm, cơ sở sản xuất, chế biến có chất thải nguy hại trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước. Đối với cơ sở đang hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước phải kiểm soát chặt chẽ và có giải pháp khắc phục hoặc di dời theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và triển khai lộ trình quản lý chất lượng môi trường nước mặt theo Luật Bảo vệ môi trường; tổ chức hoạt động quản lý môi trường tại các làng nghề truyền thống; nghiên cứu, điều chỉnh quy định về xả thải đối với các điểm xả thải có lượng xả nhỏ, theo vùng lãnh thổ cho phù hợp với thực tiễn quản lý.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ để tổ chức, hộ gia đình trong khu dân cư tập trung, làng nghề lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đối với những khu vực chưa thể kết nối vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung. Nghiên cứu, đề xuất các chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát sinh chất thải và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước mặt, các quy định xả thải đặc thù cho những điểm xả quy mô nhỏ nhằm tối ưu hóa công tác quản lý tại địa phương.

- Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật và việc thu gom, xử lý bao bì hóa chất bảo vệ thực vật; tăng cường tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về sử dụng và thải bỏ các loại chất thải từ hoạt động trồng trọt.

- Kiểm soát chặt chẽ việc đổ chất thải, rác thải gây ô nhiễm nguồn nước, tắc nghẽn dòng chảy các dòng sông, kênh, mương, rạch.

- Đối với các làng nghề, đẩy mạnh quá trình di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư vào các cụm công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp ngoài khu dân cư. Đồng thời, có cơ chế để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải làng nghề.

c) Tái cấu trúc không gian phát triển

- Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan (nếu cần thiết) gắn với không gian, phát triển hạ tầng dọc các tuyến kênh, sông trục chính hệ thống sông Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy, Ngũ Huyện Khê.

- Rà soát, tích hợp và bảo đảm sự kết nối đồng bộ giữa không gian ven sông với hạ tầng đô thị chung, tạo động lực mới cho phát triển dịch vụ, du lịch

sinh thái, văn hóa, nâng cao giá trị đất đai và chất lượng sống cho người dân, hướng tới khai thác đa mục tiêu.

d) Hoàn thiện chính sách liên quan đến cải tạo, phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm tại các lưu vực sông

- Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách tài chính về nguồn kinh phí để triển khai thực hiện các dự án cải tạo, phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm tại các lưu vực sông từ quỹ bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và nguồn đóng góp hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân.

- Nghiên cứu chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức tiến hành đầu tư các dự án cải tạo, phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm tại các lưu vực sông thông qua tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các sản phẩm tài chính.

- Nghiên cứu chính sách hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, khoa học công nghệ, chuyển đổi số để các tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, áp dụng đối với các khu vực không thể kết nối hoặc chưa có điều kiện kết nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nghiên cứu các chính sách nhằm thu hút sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào việc đầu tư, quản lý, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

- Nghiên cứu cơ chế, lộ trình thực hiện giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải phù hợp, cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa, tạo nguồn tài chính cho tái đầu tư và duy trì hoạt động ổn định, hiệu quả của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sau đầu tư.

đ) Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý, điều hành, giám sát tài nguyên nước, môi trường trên lưu vực, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xả nước thải vào nguồn nước.

- Xây dựng, vận hành hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong vận hành hệ thống công trình (hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, cống điều tiết, nhà máy xử lý nước thải,..) trên cơ sở ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hướng tới theo thời gian thực, tối ưu hóa đa mục tiêu và cảnh báo, dự báo sớm diễn biến chất lượng nước, ô nhiễm môi trường. Xây dựng, vận hành hệ thống điều hành số phục vụ công tác quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi trên các lưu vực đảm

bảo tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước, trong giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện thí điểm tại hệ thống thủy lợi Bắc Đuống.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển công nghệ mới nhằm làm chủ, tăng tỷ lệ nội địa hóa và chuyển giao các công nghệ tiên tiến trong chế tạo thiết bị quan trắc, giám sát, cảnh báo chất lượng môi trường nước và các loại vật liệu bền vững, thân thiện với hệ sinh thái; trọng tâm là các công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải (đặc biệt là xử lý nước thải phân tán), tái sử dụng và tuần hoàn nước, cũng như tái chế bùn thải.

- Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, kế thừa các thành tựu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực.

e) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên, đột xuất, chuyên đề, liên ngành về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm nguồn nước.

g) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong quản lý, giám sát các hoạt động triển khai liên quan đến Đề án nói riêng và công tác quản lý, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước trên các lưu vực sông thuộc phạm vi Đề án theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ các nguồn gồm: ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương); vốn xã hội hóa, khu vực kinh tế tư nhân, nguồn hỗ trợ quốc tế và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Ưu tiên huy động nguồn vốn hợp pháp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia triển khai thực hiện Đề án theo phương thức đối tác công tư.

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí để triển khai Đề án thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo chức năng quản lý nhà nước được giao; làm đầu mối, chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương liên quan để điều phối, giám sát, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ của địa phương đảm bảo triển khai có hiệu quả và báo cáo kết quả thực hiện Đề án;

b) Chủ trì, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án được giao trong Quyết định này; tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đang được triển khai thực hiện theo Chỉ thị số 02/CT-TTg;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các địa phương liên quan rà soát, đề xuất điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng khi cần thiết; rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy trình vận hành hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, sông Nhuệ, Bắc Nam Hà, Bắc Đuống; rà soát, đề xuất danh mục cụ thể các đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường, biểu khung, mức phí bảo vệ môi trường đối với từng đối tượng và phương pháp tính phí bảo vệ môi trường, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d) Chủ trì xây dựng và vận hành Hệ thống quan trắc tự động, liên tục diễn biến nguồn nước, Hệ thống hỗ trợ ra quyết định (DSS) để điều hòa, phân phối nguồn nước, kiểm soát chất lượng nước trên các lưu vực sông;

đ) Rà soát, điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh các quy hoạch có liên quan (nếu cần); rà soát hệ thống văn bản pháp luật về môi trường, tài nguyên nước, thủy lợi, phòng chống thiên tai và các văn bản pháp luật khác có liên quan hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm thu hút nguồn lực xã hội tham gia vào các hoạt động cải tạo, phục hồi nguồn nước;

e) Xử lý những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Đề án có tính chất liên vùng, liên tỉnh trên cơ sở đề xuất của địa phương; kịp thời tổng hợp báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo hoặc quyết định điều chỉnh để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong triển khai thực hiện Đề án.

2. Bộ Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương có liên quan, Bộ Tài chính tổng hợp nhu cầu vốn trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan; tham gia ý kiến về khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước, cơ chế tài chính, cơ chế huy động nguồn lực, cơ chế PPP, ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, quản lý nợ công và pháp luật có liên quan.

3. Bộ Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương liên quan trong việc chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quy hoạch và phát triển đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là quản lý thoát nước và xử lý nước thải đô thị, đảm bảo sự đồng bộ và tách riêng hệ

thống thu gom nước mưa, nước thải giữa phát triển đô thị và bảo vệ môi trường, tài nguyên nước;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương trong việc rà soát, điều chỉnh các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị, đảm bảo dành đủ quỹ đất cho việc xây dựng các công trình hạ tầng môi trường (nhà máy xử lý nước thải, hồ điều hòa, hành lang xanh ven sông tạo hành lang và không gian thoát lũ); lồng ghép các mục tiêu của Đề án vào các chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, chương trình cải tạo, chỉnh trang đô thị;

c) Đôn đốc, giám sát tình hình lập và triển khai các dự án đầu tư xây dựng các nhà máy thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung đảm bảo nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả vào nguồn nước mặt.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương liên quan để tổ chức, triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, làm chủ và chuyển giao các công nghệ tiên tiến về công nghệ xử lý nước thải, xử lý nước thải phân tán, tái sử dụng nước, tuần hoàn nước; công nghệ xử lý, tái chế bùn thải; các giải pháp phục hồi hệ sinh thái và tăng khả năng tự làm sạch của các dòng sông, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý, điều hành, giám sát tài nguyên nước, môi trường trên lưu vực, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xả nước thải vào nguồn nước;

b) Chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ khác có liên quan

a) Chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành, địa phương liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án theo chức năng quản lý nhà nước được giao;

b) Chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình, đề án, dự án có liên quan; tổng hợp đề xuất các dự án đầu tư, dự toán kinh phí, bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án theo quy định; rà soát, điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh các quy hoạch có liên quan (nếu cần).

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên và Ninh Bình

a) Xây dựng nội dung, kế hoạch của địa phương để triển khai thực hiện Đề án; tích hợp các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 05 năm; rà soát, cập nhật các nhiệm vụ, dự án của Đề

án vào các quy hoạch có liên quan; tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đang được triển khai thực hiện theo Chỉ thị số 02/CT-TTg; rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy trình vận hành hệ thống thủy lợi thuộc thuộc thẩm quyền; xây dựng, vận hành hệ thống điều hành số phục vụ công tác quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước;

b) Chủ trì, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án và chủ động cân đối, bố trí ngân sách địa phương, huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh triển khai các nhiệm vụ của Đề án thuộc trách nhiệm của địa phương; phối hợp với các địa phương có liên quan để triển khai các nhiệm vụ, dự án có tính chất liên tỉnh đảm bảo phát huy hiệu quả, đặc biệt phối hợp chặt chẽ với địa phương chủ trì đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành cụm công trình phục hồi mực nước, điều tiết đa mục tiêu trên sông Hồng, sông Đuống và sông Đà; hằng năm hoặc khi có yêu cầu báo cáo tình hình thực hiện Đề án về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án;

c) Tổ chức thực hiện rà soát, xác định các quỹ đất cho các công trình điều hòa, phân phối, cải tạo, phục hồi nguồn nước, trạm xử lý nước thải và không gian công cộng, cảnh quan đô thị, hành lang xanh hai bên các tuyến kênh, sông được cải tạo, chỉnh trang đảm bảo không gian cho hành lang bảo vệ nguồn nước, hành lang thoát lũ;

Đặc biệt ưu tiên quỹ đất hai bên các tuyến kênh, sông được cải tạo, chỉnh trang để đối ứng cho các dự án được thực hiện theo hình thức đối tác công tư; đánh giá, xác định giá trị quỹ đất dự kiến trước và sau khi có dự án làm cơ sở xác định giá trị quỹ đất tăng lên để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện theo hình thức hợp đồng đối tác công tư;

d) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng sạch cho tất cả các nhiệm vụ, dự án của Đề án được triển khai trên địa bàn, đảm bảo đúng tiến độ và theo quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là các công trình có tính cấp bách, công trình trọng điểm mang tính liên vùng và cụm công trình phục hồi mực nước, điều tiết đa mục tiêu trên sông Hồng, sông Đuống và sông Đà;

đ) Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm nguồn nước; tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát việc khai thác không gian ven sông, việc khai thác vận hành các công trình sau đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan;

e) Chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã trong triển khai các nhiệm vụ thuộc phạm vi được giao; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cộng đồng và doanh nghiệp tại địa phương, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, khuyến khích sự tham gia giám sát của cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ môi trường nước.

7. Các tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Có trách nhiệm tham gia bảo vệ, phục hồi, phát triển tài nguyên nước, khai thác, sử dụng, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và môi trường; tham gia phản biện chính sách, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên nước, giám sát và phối hợp trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án;

b) Các tổ chức, cá nhân quản lý, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp tập trung có trách nhiệm nâng cấp, cải tạo, xây mới hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải khu công nghiệp của mình đảm bảo đạt quy chuẩn theo quy định trước khi xả thải vào nguồn nước;

c) Các tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành các công trình thủy lợi thực hiện vận hành theo đúng quy trình đảm bảo tiết kiệm, sử dụng nước hiệu quả và theo dõi, giám sát nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc phạm vi Đề án và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình và Phú Thọ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Khoa học và Công nghệ của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Hồ Quốc Dũng